

Bản án số: 614/2024/DS-PT
Ngày: 17-12-2024
V/v tranh chấp: "Hợp đồng đặt cọc"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 453/2024/TLPT-DS ngày 29 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp "Hợp đồng đặt cọc".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 190/2024/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 553/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty TNHH T2;

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Tấn T, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Số C, Tổ D, Khu C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Ông Bùi Quang N, sinh năm 1956 (theo văn bản ủy quyền ngày 05/01/2024);

Địa chỉ: Số D, Tổ B, Khu D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- **Bị đơn:** Bà Dương Kim K, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1957 (theo văn bản ủy quyền ngày 09/7/2024);

Địa chỉ: Số A, Tổ A, Khu phố H, Phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- **Người kháng cáo:** Bị đơn bà Dương Kim K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn Công ty TNHH T2, có đại diện theo ủy quyền là ông Bùi Quang N trình bày:

Ngày 18/01/2024 Công ty T2 với bà K ký Hợp đồng mua bán sầu riêng số lượng 90 tấn; giá hàng loại I là 169.000 đồng quy cách cắt (2kg – 5,2kg 2 hộc 7); loại II là 149.000 đồng quy cách cắt (1,9kg – 5,5kg 2 hộc 5); loại III là 80.000 đồng quy cách cắt (1,2kg – 6,2kg 2 hộc trở lên).

Sầu riêng gai nù, dập gai sẽ không lấy, chỉ lấy những quả có com vàng, bột ngọt (từ 7,5 tuổi trở lên); bên mua đặt cọc trước 1.500.000.000 đồng; thời gian giao hàng từ ngày 19/01/2024 đến ngày 03/02/2024 (có hợp đồng mua bán hai bên ký tên). Trong quá trình thực hiện hợp đồng về việc giao nhận và công ty đã trả tiền hàng hóa đầy đủ theo các lần giao nhận, từ ngày 26/01/2024 đến ngày 30/01/2024 tổng cộng bà K chỉ giao cho công ty A sầu riêng các loại, còn lại 77.174kg sầu riêng thì phía bà K không giao như hợp đồng đã ký kết.

Về phần tiền mua bán thì công ty đã trả đủ tiền cho bà K từng chuyến hàng mà bà K đã giao cho công ty từ ngày 26/01/2024 đến ngày 28/01/2024. Riêng chuyến hàng cuối cùng mà bà K đã giao cho công ty vào ngày 30/01/2024 với số tiền 319.626.000 đồng, do bà K không giao hàng nữa nên bà K chưa nhận số tiền của toa hàng này. Hiện bà K còn nợ công ty số tiền cọc 1.500.000.000 đồng, do bà K đã vi phạm hợp đồng mua bán hai bên đã ký kết.

Nay Công ty TNHH T2 yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết:

Buộc bà Dương Kim K trả số tiền cọc 1.500.000.000 đồng, trừ đi toa hàng 319.626.000 đồng, còn nợ 1.180.374.000 đồng và trả lãi chậm trả tính từ ngày 03/2/2024 cho đến ngày xét xử, trả 01 lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông N là người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH T2 xin rút lại yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bà K phạt cọc với số tiền 1.500.000.000 đồng.

Bị đơn bà Dương Kim K, có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn D trình bày:

Bà K với Công ty TNHH T2 có ký Hợp đồng mua bán sầu riêng ngày 18/01/2024, bà K có nhận tiền cọc của công ty 1.500.000.000 đồng, thời gian thực hiện hợp đồng từ ngày 19/01/2024 đến ngày 03/02/2024, trong quá trình thực hiện hợp đồng bà K đã thực hiện đúng như hợp đồng hai bên đã ký kết giao 07 lần sầu riêng cho công ty (trong đó lần giao hàng ngày 30/01/2024 công ty chưa thanh toán số tiền 319.626.000 đồng), sau đó bà K tiếp tục giao hàng nhưng công ty không nhận hàng, nên bà K phải bán hàng ngoài chợ gây thiệt hại lớn cho bà K. Do phía công ty đã vi phạm nghĩa vụ mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng nên bà K không đồng ý với yêu cầu của công ty về việc yêu cầu trả số tiền 1.180.374.000 đồng và trả lãi chậm trả tính từ ngày 03/2/2024 cho đến ngày xét xử, trả 01 lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm số 190/2024/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ Điều 328, khoản 2 Điều

357 Bộ luật Dân sự; điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Công ty TNHH T2 về việc không yêu cầu bà Dương Kim K phạt cọc số tiền 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng).

2. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa Công ty TNHH T2 với bà Dương Kim K về việc hủy Hợp đồng đặt cọc mua bán sâu riêng ngày 18/01/2024.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T2.

Buộc bà Dương Kim K có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH T2 Cái Bè số tiền 1.180.374.000 đồng và lãi 72.825.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi 1.253.199.000 đồng (một tỷ hai trăm năm mươi ba triệu một trăm chín mươi chín ngàn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 20/9/2024, bị đơn bà Dương Kim K có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đại diện bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Án sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Bà K kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới làm thay đổi bản chất vụ án nên không được chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Dương Kim K nộp đơn kháng cáo và thực hiện thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Dương Kim K, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Công ty TNHH T2 và bà Dương Kim K thống nhất hai bên có ký kết Hợp đồng đặt cọc mua bán sầu riêng vào ngày 18/01/2024. Theo hợp đồng, số tiền đặt cọc là 1.500.000.000 đồng, thời gian giao hàng là từ ngày 19/01/2024 đến ngày 03/02/2024, ngoài ra còn các thỏa thuận khác về giá, quy cách bắt hàng và trách nhiệm khi vi phạm hợp đồng. Bà K thừa nhận bà đã nhận 1.500.000.000 đồng tiền đặt cọc của Công ty TNHH T2. Xét Hợp đồng đặt cọc mua bán sầu riêng ngày 18/01/2024 được ký kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức phù hợp quy định pháp luật nên đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[2.2] Hợp đồng đặt cọc mua bán sầu riêng ngày 18/01/2024 không quy định rõ các mốc thời gian giao hàng cụ thể. Tuy nhiên, Công ty TNHH T2 và bà Dương Kim K đều thống nhất sau khi ký hợp đồng, các bên đã giao nhận thành công 07 lần hàng, lần cuối cùng là vào ngày 30/01/2024. Công ty TNHH T2 thừa nhận công ty chỉ trả cho bà K tiền hàng của 06 lần giao hàng, riêng tiền hàng ngày 30/01/2024 (319.626.000 đồng) thì công ty chưa thanh toán với lý do sau lần giao hàng này thì bà K không tiếp tục giao hàng; về phía bà K, bà trình bày rằng bà có tiếp tục giao hàng nhưng công ty không nhận.

Công ty TNHH T2 cho rằng lỗi vi phạm hợp đồng là của bà K vì bà K không giao hàng cho công ty đúng thỏa thuận, gây thiệt hại cho công ty; căn cứ chứng minh là sau lần giao hàng thành công cuối cùng vào ngày 30/01/2024 cho đến hết hạn giao hàng theo hợp đồng (ngày 03/02/2024), bà K không tiếp tục giao hàng nên đến ngày 05/02/2024 Công ty TNHH T2 đã tiến hành khởi kiện bà K.

Bà K cho rằng lỗi vi phạm hợp đồng là của Công ty TNHH T2 vì sau lần giao hàng thành công cuối cùng vào ngày 30/01/2024, bà có tiếp tục giao hàng nhưng công ty không nhận. Tuy nhiên, bà K cũng thừa nhận bà không trình báo với chính quyền địa phương để lập biên bản ghi nhận sự việc, cũng không có thỏa thuận khác với Công ty TNHH T2; bên cạnh đó, bà cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ khác chứng minh việc công ty không nhận hàng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bà K cho rằng hai bên có thỏa thuận việc thanh toán tiền hàng được thực hiện sau mỗi đợt giao hàng, vì Công ty TNHH T2 không thanh toán tiền hàng đợt 7, vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên bà T1 không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, phía bà K không cung cấp được chứng cứ chứng minh có thỏa thuận này, phía Công ty TNHH T2 cũng không thừa nhận nên không có cơ sở chấp nhận lời trình bày này của phía bà K.

Như vậy, có cơ sở kết luận, lỗi vi phạm hợp đồng Hợp đồng đặt cọc mua bán sầu riêng ngày 18/01/2024 thuộc về bà K. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà K trả lại tiền cọc cho Công ty TNHH T2 là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 328 Bộ luật Dân sự. Công ty TNHH T2 đồng ý cầm trả tiền hàng của lần giao hàng ngày 30/01/2024 vào số tiền cọc phải trả, đây là sự tự nguyện của công ty, phù hợp quy định pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận, buộc bà K trả lại cho Công ty TNHH T2 Cái Bè 1.500.000.000 đồng – 319.626.000 đồng = 1.180.374.000 đồng là có căn cứ.

[2.3] Công ty TNHH T2 yêu cầu tính lãi đối với số tiền cọc mà bà K đã nhận từ ngày 03/02/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là 07 tháng 13 ngày \times 1.180.374.000 đồng \times 0,83%/tháng = 72.825.000 đồng. Xét thấy bà K đã nhận đủ tiền cọc nhưng lại vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng, gây thiệt hại cho Công ty TNHH T2 nhưng công ty không yêu cầu phạt cọc mà chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 03/02/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là có lợi cho bà K, do đó Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của công ty là có căn cứ.

[2.4] Các nội dung khác của quyết định án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[2.5] Án sơ thẩm tuyên “*đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Công ty TNHH T2 về việc không yêu cầu bà Dương Kim K phạt cọc số tiền 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng)*” là chưa rõ, gây nhầm lẫn nên cần điều chỉnh lại cho phù hợp.

[3] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là có căn cứ, phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo của bà không được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Dương Kim K.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 190/2024/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ Điều 328, khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự; Điều 147, Điều 148, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Công ty TNHH T2 về việc yêu cầu bà Dương Kim K trả tiền phạt cọc là 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng).

2. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa Công ty TNHH T2 với bà Dương Kim K về việc hủy Hợp đồng đặt cọc mua bán sàu riêng ngày 18/01/2024.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T2.

Buộc bà Dương Kim K có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH T2 Cái Bè số tiền 1.180.374.000 đồng và lãi 72.825.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi 1.253.199.000 đồng (một tỷ hai trăm năm mươi ba triệu một trăm chín mươi chín ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Dương Kim K phải chịu 49.595.000 đồng (bốn mươi chín triệu năm trăm chín mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

H lại cho Công ty TNHH T2 số tiền 42.803.000 đồng (bốn mươi hai triệu, tám trăm lẻ ba nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002338 ngày 22/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Dương Kim K phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0016844 ngày 20/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, xem như đã nộp xong.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THÂM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phong